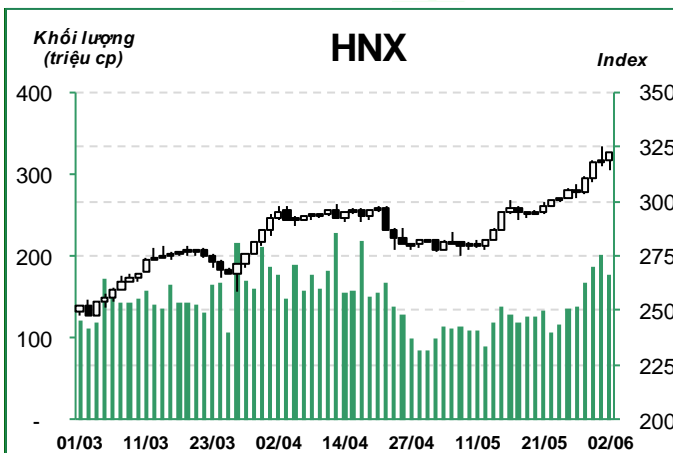
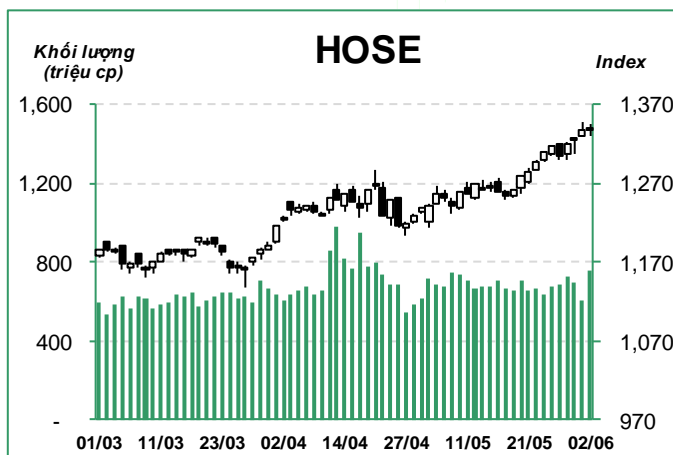


Tổng quan thị trường

02/06/2021	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá trị đóng cửa	1,340.78	0.22%	1,478.85	-0.27%	322.05	1.13%
Cuối tuần trước	1,320.46	1.54%	1,458.78	1.38%	310.46	3.73%
Trung bình 20 ngày	1,290.79	3.87%	1,413.94	4.59%	300.22	7.27%
Tổng KLGD (triệu cp)	805.24	27.93%	283.55	10.53%	182.35	-17.66%
KLGD khớp lệnh	755.62	25.84%	277.18	8.31%	177.49	-11.75%
Trung bình 20 ngày	680.09	11.11%	266.29	4.09%	136.48	30.05%
Tổng GTGD (tỷ đồng)	26,142.96	20.13%	14,520.96	11.07%	4,415.49	-10.18%
GTGD khớp lệnh	24,159.17	15.07%	14,029.27	7.59%	4,312.83	-4.38%
Trung bình 20 ngày	21,149.39	14.23%	12,799.80	9.61%	3,043.19	41.72%
		Tỷ trọng		Tỷ trọng		Tỷ trọng
Số mã tăng	228	49%	13	43%	122	33%
Số mã giảm	187	40%	15	50%	79	21%
Số mã đứng giá	49	11%	2	7%	167	45%



Thị trường tiếp tục xu hướng tăng điểm trong phiên giao dịch ngày thứ 4 nhưng mức tăng đã suy yếu khi nhiều cổ phiếu vốn hóa lớn có dấu hiệu chốt lời mạnh sau những phiên tăng nóng trước đó. Thay vào đó, dòng tiền bắt đầu có xu hướng tìm đến nhóm cổ phiếu midcap khi một số nhóm ngành ghi nhận mức tăng tốt cùng khối lượng tăng cao.

Trên sàn HoSE, chỉ số VN-Index đóng cửa tại mức 1,340.78 điểm (+0.22%). Thanh khoản tăng mạnh với KLGD khớp lệnh đạt 755.6 triệu cổ phiếu (+25.8%), tương đương 24,159 tỷ đồng giá trị (+15.1%). Dòng tiền đã có sự lan tỏa nhiều hơn đến các cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ khi độ rộng thị trường đã nghiêng trở lại về bên mua. Toàn sàn ghi nhận 228 mã tăng/187 mã giảm.

Mặc dù vẫn đóng góp nhiều nhất cho đà tăng của VN-Index hôm nay, nhóm ngân hàng đã có tín hiệu phân hóa khi một số cổ phiếu đã bắt đầu bị chốt lời mạnh. Trong khi đó, nhóm dầu khí với PV Gas-GAS (+4.4%) và nhóm chứng khoán với Chứng khoán SSI-SSI (+5.3%) hay Chứng khoán TPHCM-HCM (+3.6%) tăng điểm đồng thuận hơn. Ở nhóm midcap, nhiều nhóm ngành khởi sắc trong phiên hôm nay như dệt may, điện, logistic, phân bón. Ngược lại, gánh nặng giảm điểm của chỉ số đến từ Vingroup-VIC (-2.1%), Hòa Phát-HPG (-2.7%), BIDV-BID (-1.3%) và Vietinbank-CTG (-1.1%).

Khối ngoại đẩy mạnh bán ròng 1,213.3 tỷ đồng (+105.1%) trên sàn HoSE trong phiên hôm nay. Trong đó, Hòa Phát-HPG (-956.7 tỷ) vẫn là cổ phiếu bị bán mạnh nhất bởi khối ngoại bên cạnh một số cổ phiếu khác như Vingroup-VIC (-180.2 tỷ),

Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
HOSE		
GEX	11,681.5	306.74
FPT	2,186.1	203.53
VCB	1,142.0	113.08
EIB	2,877.0	93.19
AGG	1,405.0	65.81
SHI	2,098.5	64.17
E1VFN30	2,000.0	49.91
PNJ	460.4	46.59
SAM	4,310.8	42.43
BWE	1,340.0	42.40
HNX		
ASG	833.8	31.27
TAR	1,100.0	21.01
IDC	463.0	17.59
HUT	1,300.0	8.97
NTP	201.0	7.96
VC3	303.0	6.01
S99	281.3	5.63
SHN	277.8	2.00
PVI	20.1	0.69
CLH	26.6	0.55

Novaland-NVL (-73.5 tỷ). Ngược lại, những cổ phiếu hút tiền của khối ngoại trong phiên hôm nay là Vietcombank-VCB (+100.4 tỷ), Nước - Môi trường Bình Dương-BWE (+40.7 tỷ) và NH Phương Đông-OCB (+39.1 tỷ).

Trên sàn HNX, HNX-Index đóng cửa gần như cao nhất phiên tại mức 322.05 điểm (+1.13%). Thanh khoản giảm nhẹ nhưng vẫn duy trì ở mức cao với KLGD khớp lệnh đạt 177.5 triệu cổ phiếu (-11.7%), tương đương 4,312.8 tỷ đồng giá trị (-4.4%).

Đứng đầu đà tăng trên sàn HNX là nhóm chứng khoán với một loạt cổ phiếu tăng mạnh như Chứng khoán VNDIRECT-VND (+9.9%), Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội -SHS (+4.8%), Chứng khoán MB-MBS (+4.6%). Ngoài ra, lực cầu giá cao cũng được ghi nhận ở nhiều trụ cột khác như Idico-IDC (+5.1%), Dầu khí PTSC-PVS (+3.8%), Tập đoàn PAN-PAN (+7.5%) hay Dệt may TNG-TNG (+7.6%). Ở chiều ngược lại, Ngân hàng Bắc Á-BAB (-1.0%), Ngân hàng Quốc Dân-NVB (-2.3%), Tập đoàn CEO-CEO (-1.0%) là những cổ phiếu có tác động giảm điểm nhiều nhất đến chỉ số.

Tương tự như sàn HoSE, khối ngoại cũng gia tăng sức ép trên sàn HNX khi bán ròng với giá trị 53.8 tỷ đồng (+54.2%). Với lực bán tập trung ở các cổ phiếu như Dầu khí PTSC-PVS (-21.9 tỷ), Tập đoàn PAN-PAN (-15.2 tỷ), Vicostone-VCS (-12.2 tỷ). Trong khi đó, Thaiholdings-THD (+1.7 tỷ), Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (+1.2 tỷ), Giống cây trồng TW-NSC (+1.0 tỷ) là những cổ phiếu được mua nhiều nhất.

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm thứ tư liên tiếp. Khối lượng giao dịch gia tăng vượt bình quân 10 và 20 phiên hàm ý dòng tiền tham gia thị trường mạnh mẽ. Không những vậy, chỉ số duy trì đóng cửa trên MA5, cùng với chòm MA5, 10, 20 ở trạng thái phân kỳ dương tích cực, cho thấy xu hướng tăng đang tiếp diễn. Thêm vào đó, các chỉ báo MACD và RSI đang hướng lên, cho thấy đà tăng đang mạnh dần lên, chỉ số có thể sớm tiến lên thử thách ngưỡng kháng cự 1,360 điểm (Fib 127.2, đây là Fib thoát lui hình thành từ đỉnh 2018 và đáy 2020). Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Chỉ số có phiên tăng điểm và duy trì đóng cửa trên MA20, cho thấy xu hướng tăng đang tiếp diễn. Chỉ số có thể hướng lên vùng kháng cự quanh 330 điểm (Fib 38.2, đây là mức Fib đo được từ việc chia sóng 5 của chỉ số, tính từ tháng 7/2020 là đầu sóng 1). Nhìn chung, thị trường đang trong xu hướng tăng. Do đó, chúng tôi duy trì khuyến nghị, nhà đầu tư tận dụng các nhịp rung lắc để gia tăng thêm một phần nhỏ tỷ trọng vào các cổ phiếu có cơ bản tốt và được dòng tiền mạnh hướng tới.

Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
ITA	7.5	18,275.6	7.0%
GIL	56.7	282.7	7.0%
SGR	27.6	42.9	7.0%
DTA	9.2	31.4	7.0%
L10	18.4	0.1	7.0%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
AGM	27.9	39.5	-7.0%
TTE	9.1	0.2	-6.9%
APH	63.6	470.6	-6.9%
LGC	57.7	0.1	-6.8%
DAT	22.2	2.4	-6.7%

Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	54.0	2,187.5	-2.7%
VPB	70.2	2,054.6	1.3%
STB	32.2	1,639.3	-0.6%
TCB	52.8	1,315.1	-0.6%
LPB	31.7	951.2	6.9%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
FLC	13.1	59,616.5	7.0%
STB	32.2	51,657.3	-0.6%
HPG	54.0	40,052.1	-2.7%
LPB	31.7	31,740.8	6.9%
VPB	70.2	29,533.0	1.3%

HNX

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
QBS	3.3	1,334.2	10.0%
HOM	5.5	546.9	10.0%
QHD	42.9	1.9	10.0%
MDC	7.7	0.4	10.0%
GDW	23.2	0.2	10.0%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
PMP	10.8	1.5	-10.0%
KTT	8.1	6.4	-10.0%
PIC	10.1	5.7	-9.8%
CAN	34.8	0.1	-9.6%
BBS	11.4	0.9	-9.5%

Top 5 giá trị

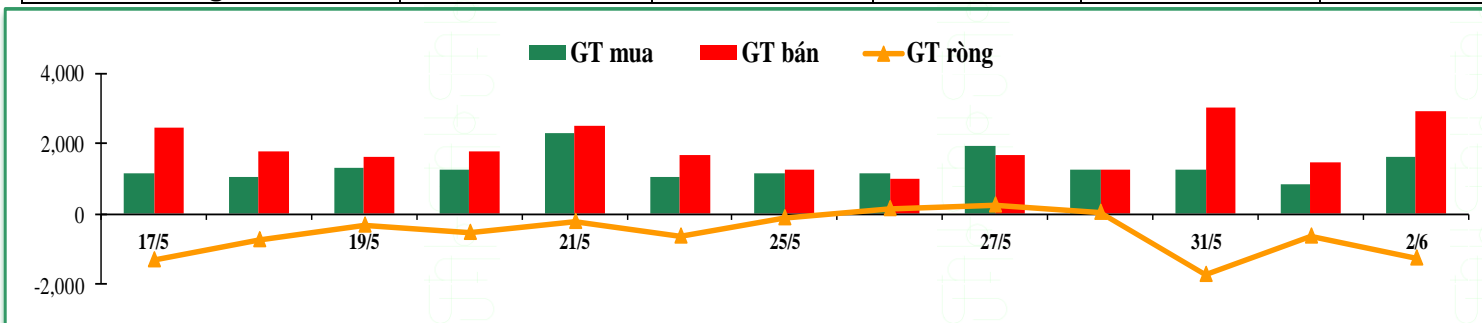
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	31.1	796.3	0.3%
PVS	27.4	581.5	3.8%
SHS	39.3	515.5	4.8%
VND	55.7	361.2	9.9%
IDC	39.3	326.5	5.1%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SHB	31.1	26,046.8	0.3%
PVS	27.4	21,481.7	3.8%
SHS	39.3	13,524.2	4.8%
NVB	20.8	10,306.6	-2.3%
KLF	5.4	9,667.1	8.0%

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	1,607.3	6.1%	2,820.6	10.8%	-1,213.3
HNX	31.3	0.7%	85.1	1.9%	-53.8
Tổng số	1,638.6		2,905.8		-1,267.2



HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
FPT	85.5	188.7	-1.8%
NVL	139.4	156.5	2.7%
VCB	106.0	152.6	2.2%
MBB	38.5	105.4	0.8%
VIC	117.5	102.9	-2.1%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	54.0	985.5	-2.7%
VIC	117.5	283.1	-2.1%
NVL	139.4	229.9	2.7%
FPT	85.5	188.9	-1.8%
MBB	38.5	105.2	0.8%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VCB	106.0	100.4	2.2%
BWE	32.2	40.7	4.0%
OCB	28.8	39.1	-0.7%
VIX	30.7	27.8	1.0%
NKG	33.7	24.1	0.4%

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PVS	27.4	11.5	3.8%
VND	55.7	3.8	9.9%
VCS	96.0	2.6	1.1%
NSC	83.0	2.4	5.1%
PAN	27.3	2.0	7.5%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PVS	27.4	33.5	3.8%
PAN	27.3	17.2	7.5%
VCS	96.0	14.8	1.1%
VND	55.7	9.8	9.9%
NSC	83.0	1.4	5.1%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
THD	200.0	1.7	0.2%
SHB	31.1	1.2	0.3%
NSC	83.0	1.0	5.1%
PVC	11.1	0.9	3.7%
IDV	68.9	0.5	-0.1%

Tin trong nước

Kinh tế Việt Nam được dự báo tăng trưởng 6,7% năm nay

Ngân hàng Standard Chartered vừa công bố dự báo kinh tế Việt Nam tăng trưởng 6,7% vào năm nay và 7,3% vào năm sau.

Theo các chuyên gia khác của Standard Chartered, số liệu thương mại của Việt Nam duy trì tích cực kể từ năm ngoái. Cụ thể, xuất khẩu điện thoại và linh kiện chiếm khoảng 16% tổng kim ngạch xuất khẩu và các mặt hàng điện tử, máy tính và linh phụ kiện chiếm khoảng 15% kim ngạch xuất khẩu. Đồng thời, thặng dư thương mại của Việt Nam cũng đạt 1,3 tỷ USD trong 4 tháng đầu năm 2021.

Các chuyên gia cũng nhận định tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh sẽ có thể làm gia tăng lạm phát, và giá cả thực phẩm trên thế giới gia tăng cũng đang gây ra ảnh hưởng lên lạm phát trong nước. Dự báo lạm phát trung bình của Việt Nam năm nay sẽ đạt 3,8%.

Xuất khẩu thủy sản cả nước tăng 14% trong 5 tháng

Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP) cho biết, trong tháng 5 xuất khẩu thủy sản tiếp tục đà hồi phục khả quan khi tăng trưởng 24%, kim ngạch đạt gần 790 triệu USD.

Lũy kế xuất khẩu thủy sản 5 tháng đầu năm đạt 3,27 tỷ USD, tăng 14% so với cùng kỳ năm 2020. Tính đến hết tháng 5, xuất khẩu tôm của Việt Nam đã đạt 1,34 tỷ USD, tăng 14% so với cùng kỳ năm 2020.

Xuất khẩu hải sản tăng 12%, đạt 698 triệu USD; xuất khẩu mực, bạch tuộc cũng hồi phục khả quan, tăng 11% đạt 212 triệu USD. Đáng chú ý, xuất khẩu nhuyễn thể hai mảnh vỏ tăng mạnh tới 81% trong tháng 5, góp phần đưa kết quả xuất khẩu 5 tháng đầu năm lên gần 49 triệu USD, tăng 45% so với cùng kỳ năm ngoái.

Theo đó, Mỹ, EU và các nước thành viên Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) đang là những thị trường có vai trò chi phối tăng trưởng xuất khẩu thủy sản Việt Nam.

Tôm luôn nằm trong top đầu tiêu thụ thủy hải sản tại Mỹ, ước tính kim ngạch xuất khẩu tôm sang Mỹ 5 tháng đầu năm 2021 đạt 270 triệu USD, tăng 21% so với cùng kỳ năm ngoái.

Kim ngạch xuất khẩu thủy sản Việt Nam sang EU tháng 5 đạt gần 95 triệu USD, tăng 30%. Lũy kế xuất khẩu 5 tháng đầu năm sang EU đạt trên 380 triệu USD, tăng 15% so với cùng kỳ năm ngoái.

Nguồn: NDH

Tin doanh nghiệp niêm yết

Tài chính Hoàng Huy hoàn tất bán hơn 9,7 triệu cổ phiếu quỹ, thu về 224 tỷ đồng

CTCP Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (HoSE: TCH) công bố hoàn tất bán toàn bộ hơn 9,7 triệu cổ phiếu quỹ với giá bình quân 23.042 đồng/cổ phiếu. Số tiền thu về 224 tỷ đồng.

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2021, Tài chính Hoàng Huy cho biết công ty bán cổ phiếu để tăng dòng tiền và tăng con số lợi nhuận chưa phân phối tại công ty mẹ, qua đó tăng nguồn chi trả cổ tức cho cổ đông lên 20%, gấp đôi so với kế hoạch ban đầu.

Trong năm 2020, công ty đã 2 lần thanh toán cổ tức, tỷ lệ 5,5% và 5% bằng tiền cho cổ đông.

Kido trình phương án chuyển đổi mô hình kinh doanh, cổ tức 2020 tỷ lệ 16%

Theo tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên, HĐQT Tập đoàn Kido (HoSE: KDC) dự kiến trình kế hoạch doanh thu thuần 11.500 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 800 tỷ đồng; lần lượt tăng 39% và 92% so với năm trước.

Năm 2020, doanh nghiệp ghi nhận doanh thu thuần 8.324 tỷ đồng, tăng 14%; lãi trước thuế 416 tỷ đồng, 47%; lãi sau thuế cổ đông công ty mẹ 204 tỷ đồng, gấp 3,5 lần. Với kết quả này, HĐQT trình chia cổ tức 16% bằng tiền mặt, 10% đã tạm ứng.

Ngoài ra, một nội dung quan trọng là ban lãnh đạo trình cổ đông xem xét việc chuyển đổi mô hình kinh doanh. Theo đó, tập đoàn sẽ đảm nhận thực hiện phân phối, bán sản phẩm ra thị trường qua tất cả các kênh bán hàng trong và ngoài nước. Các thành viên trong tập đoàn chủ yếu thực hiện sản xuất và bán sản phẩm cho Kido.

Mới đây, Kido thông bán đã ký thỏa thuận với đối tác kinh doanh và triển khai dự án bán lẻ theo chuỗi cửa hàng. Tổng vốn đầu tư ban đầu khoảng 100 tỷ đồng, tập đoàn góp 61% vốn để nắm quyền chi phối hệ thống cửa hàng bán lẻ.

Nguồn: NDH

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	DRC	Mua	03/06/21	27.55	27.55	0.0%	33.6	22.0%	26.2	-4.9%	Cổ phiếu có cơ hội quay lại xu hướng phục hồi

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	CKG	Quan sát mua	03/06/21	17.1	20-20.5	Nền bật tăng tốt xác nhận nền Hammer + phủ nhận nền giảm mạnh vol cao trước đó -> khả năng kết thúc điều chỉnh, quay lại xu hướng tăng
2	DXG	Quan sát mua	03/06/21	27.55	32	Tín hiệu điều chỉnh quanh vùng đỉnh thời đại ko quá xấu với nền nhỏ, vol thấp -> có cơ hội vượt đỉnh, có thể canh mua khi giá tiếp tục điều chỉnh về vùng 26-26.5
3	GVR	Quan sát mua	03/06/21	27.85	30.5 33-34	Nền rút chân khi về retest hỗ trợ quanh 27 kèm vol thấp -> khả năng sớm tăng trở lại
4	AAA	Quan sát mua	03/06/21	15.2	17.5-18	Đang có tín hiệu retest đáy quanh 15 khá tốt với nền nhỏ, vol thấp -> có cơ hội tạo đáy và hồi phục trở lại, cần một nền tăng > 15.5 để xác nhận

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	FPT	Nắm giữ	20/04/21	85.5	70	22.1%	93.5	33.6%	67.65	-3%	
2	VSC	Mua	28/04/21	51.8	49.9	3.8%	55	10.2%	47	-6%	
3	STB	Nắm giữ	05/05/21	32.2	24.1	33.6%	34.3	42%	22.9	-5%	
4	SSI	Nắm giữ	13/05/21	46	34.8	32.2%	52.2	50%	33.5	-4%	
5	PVS	Nắm giữ	19/05/21	27.4	21.8	25.7%	31.3	44%	20.5	-6%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

6	VHM	Mua	20/05/21	104.4	100.4	4.0%	110	10%	96.5	-4%	
7	HDG	Mua	24/05/21	45.85	41.95	9.3%	47.6	13%	40.3	-4%	
8	BVS	Nắm giữ	25/05/21	30.7	22.8	34.6%	34.4	51%	21.3	-7%	Nâng giá mục tiêu lên 34.4 ngàn

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thông kê giao dịch chứng quyền ngày 02/06/2021									Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	Chênh lệch so với giá đóng cửa	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CFPT2016	2,580	9,830	-4.6%	281%	30,210	20	85,500	8,269	(1,561)	SSI	FPT	50,000	4.3	22/06/2021
CFPT2101	1,500	5,200	-10.3%	247%	11,550	33	85,500	2,143	(3,057)	MBS	FPT	74,500	5.2	05/07/2021
CHDB2101	1,000	3,800	-7.3%	280%	6,940	112	34,000	895	(2,905)	KIS	HDB	29,888	5.0	22/09/2021
CHPG2020	5,700	46,910	-8.7%	723%	320	28	54,000	40,061	(6,849)	VND	HPG	26,000	0.7	30/06/2021
CHPG2101	1,050	9,890	-4.1%	842%	12,200	112	54,000	2,622	(7,268)	KIS	HPG	46,888	2.9	22/09/2021
CHPG2102	6,600	32,000	-8.6%	385%	9,940	33	54,000	18,685	(13,315)	ACBS	HPG	41,000	0.7	05/07/2021
CHPG2103	3,900	15,840	-6.8%	306%	10,850	34	54,000	8,056	(7,784)	VND	HPG	42,000	1.5	06/07/2021
CHPG2104	1,500	10,000	-6.5%	567%	10,440	33	54,000	4,221	(5,779)	MBS	HPG	44,800	2.2	05/07/2021
CHPG2105	3,000	16,460	-6.9%	449%	37,920	68	54,000	8,112	(8,348)	HCM	HPG	42,000	1.5	09/08/2021
CHPG2106	4,100	14,300	-4.7%	249%	7,900	86	54,000	2,942	(11,358)	MBS	HPG	50,200	1.5	27/08/2021
CHPG2107	1,300	6,850	-7.4%	427%	42,320	71	54,000	39	(6,811)	KIS	HPG	59,368	3.7	12/08/2021
CHPG2108	1,200	6,710	-8.0%	459%	36,270	71	54,000	37	(6,673)	KIS	HPG	59,456	3.7	12/08/2021
CKDH2002	1,600	3,950	-3.4%	147%	16,440	75	39,500	3,072	(878)	KIS	KDH	27,333	4.0	16/08/2021
CKDH2101	1,000	3,000	-4.2%	200%	2,670	112	39,500	1,285	(1,715)	KIS	KDH	33,333	5.0	22/09/2021
CKDH2102	2,800	6,150	-3.2%	120%	3,010	72	39,500	4,266	(1,884)	MBS	KDH	31,100	2.0	13/08/2021
CMBB2010	4,600	22,440	0.6%	388%	13,740	12	38,500	22,511	71	SSI	MBB	16,000	1.0	14/06/2021
CMBB2101	1,600	6,920	-1.3%	333%	23,480	34	38,500	6,276	(644)	VND	MBB	26,000	2.0	06/07/2021
CMBB2102	1,200	3,460	-2.5%	188%	10,970	71	38,500	421	(3,039)	KIS	MBB	34,468	10.0	12/08/2021
CMSN2101	1,050	3,050	-8.4%	190%	3,830	112	105,700	422	(2,628)	KIS	MSN	99,999	20.0	22/09/2021
CMSN2102	1,000	2,790	-11.4%	179%	3,960	112	105,700	142	(2,648)	KIS	MSN	111,111	20.0	22/09/2021
CMSN2103	3,000	6,150	0.0%	105%	4,310	72	105,700	3,014	(3,136)	MBS	MSN	88,000	6.0	13/08/2021
CMWG2013	12,000	24,800	2.9%	107%	360	28	138,800	21,479	(3,321)	VND	MWG	96,000	2.0	30/06/2021
CMWG2016	1,700	3,000	6.4%	76%	8,050	8	138,800	3,085	85	HCM	MWG	108,000	10.0	10/06/2021
CMWG2101	2,400	3,000	3.8%	25%	3,690	34	138,800	2,203	(797)	VND	MWG	117,000	10.0	06/07/2021
CMWG2102	3,000	6,400	4.9%	113%	4,880	61	138,800	3,847	(2,553)	VCI	MWG	120,000	5.0	02/08/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CMWG2103	1,900	2,190	-0.5%	15%	11,910	33	138,800	1,055	(1,135)	MBS	MWG	128,500	10.0	05/07/2021
CMWG2104	2,400	9,350	-1.6%	290%	5,410	(72)	138,800	(189)	(9,539)	ACBS	MWG	135,000	10.0	22/03/2021
CMWG2105	2,950	4,550	13.8%	54%	5,110	86	138,800	1,135	(3,415)	MBS	MWG	131,500	8.0	27/08/2021
CNVL2003	1,000	7,700	6.1%	670%	56,630	9	139,400	7,622	(78)	KIS	NVL	63,979	9.9	11/06/2021
CNVL2101	1,000	5,000	8.7%	400%	15,560	112	139,400	3,919	(1,081)	KIS	NVL	77,999	15.8	22/09/2021
CNVL2102	1,100	3,560	5.0%	224%	10,720	117	139,400	798	(2,762)	KIS	NVL	128,399	16.0	27/09/2021
CPDR2101	1,100	3,680	0.8%	235%	17,760	86	77,100	36	(3,644)	KIS	PDR	88,888	5.0	27/08/2021
CPDR2102	1,100	3,940	-3.7%	258%	7,430	117	77,100	124	(3,816)	KIS	PDR	88,999	5.0	27/09/2021
CPNJ2101	1,700	2,900	3.9%	71%	26,120	34	100,500	2,288	(612)	VND	PNJ	78,000	9.9	06/07/2021
CPNJ2102	2,000	5,550	9.9%	178%	5,200	61	100,500	4,157	(1,393)	VCI	PNJ	80,000	5.0	02/08/2021
CPNJ2103	2,900	4,600	-1.9%	59%	12,360	16	100,500	4,355	(245)	MBS	PNJ	78,800	5.0	18/06/2021
CREE2101	2,300	2,720	-6.9%	18%	26,080	34	56,000	2,024	(696)	VND	REE	48,000	4.0	06/07/2021
CSBT2101	1,100	2,450	2.1%	123%	1,960	112	19,900	11	(2,439)	KIS	SBT	24,666	5.0	22/09/2021
CSTB2010	1,100	10,000	-2.1%	809%	20,620	9	32,200	10,104	104	KIS	STB	11,999	2.0	11/06/2021
CSTB2014	3,800	19,700	-5.3%	418%	35,980	12	32,200	20,208	508	SSI	STB	12,000	1.0	14/06/2021
CSTB2101	1,000	7,100	-7.6%	610%	17,240	112	32,200	5,173	(1,927)	KIS	STB	21,999	2.0	22/09/2021
CSTB2102	2,000	14,100	-2.8%	605%	4,810	2	32,200	14,202	102	MBS	STB	18,000	1.0	04/06/2021
CSTB2103	1,400	8,180	-3.8%	484%	17,800	68	32,200	7,136	(1,044)	HCM	STB	18,000	2.0	09/08/2021
CSTB2104	4,000	12,300	-2.4%	208%	11,170	86	32,200	9,416	(2,884)	MBS	STB	22,900	1.0	27/08/2021
CTCB2012	5,400	30,800	-3.6%	470%	6,260	58	52,800	30,875	75	SSI	TCB	22,000	1.0	30/07/2021
CTCB2101	5,000	23,900	-1.0%	378%	11,880	125	52,800	22,027	(1,873)	ACBS	TCB	31,000	1.0	05/10/2021
CTCB2102	2,300	8,610	-3.3%	274%	19,450	34	52,800	8,436	(174)	VND	TCB	36,000	2.0	06/07/2021
CTCB2103	2,900	9,850	-1.2%	240%	33,680	68	52,800	8,721	(1,129)	HCM	TCB	35,500	2.0	09/08/2021
CTCB2104	2,000	7,700	-1.4%	285%	5,700	86	52,800	3,646	(4,054)	MBS	TCB	45,800	2.0	27/08/2021
CTCH2003	1,600	2,200	2.3%	38%	8,750	75	22,200	59	(2,141)	KIS	TCH	23,999	3.9	16/08/2021
CTCH2101	1,000	2,700	0.4%	170%	2,480	112	22,200	104	(2,596)	KIS	TCH	24,666	3.9	22/09/2021
CTCH2102	2,750	3,100	13.6%	13%	5,600	72	22,200	40	(3,060)	MBS	TCH	25,000	2.0	13/08/2021
CTCH2103	1,200	1,840	2.2%	53%	16,230	71	22,200	0	(1,840)	KIS	TCH	31,668	4.0	12/08/2021
CVHM2008	1,400	1,550	-3.7%	11%	16,290	9	104,400	1,556	6	KIS	VHM	88,888	10.0	11/06/2021
CVHM2101	1,100	3,550	0.0%	223%	5,090	112	104,400	206	(3,344)	KIS	VHM	106,888	16.0	22/09/2021
CVHM2102	1,900	2,780	4.9%	46%	12,860	34	104,400	1,757	(1,023)	VND	VHM	87,000	10.0	06/07/2021
CVHM2103	1,650	1,060	-7.8%	-36%	43,720	2	104,400	1,141	81	MBS	VHM	93,000	10.0	04/06/2021
CVHM2104	1,600	3,200	-2.7%	100%	12,760	68	104,400	718	(2,482)	HCM	VHM	98,000	10.0	09/08/2021
CVHM2105	1,500	3,780	-5.5%	152%	2,910	72	104,400	319	(3,461)	MBS	VHM	105,000	8.0	13/08/2021
CVHM2106	1,300	3,640	-1.1%	180%	3,270	71	104,400	6	(3,634)	KIS	VHM	118,668	10.0	12/08/2021
CVIC2005	1,500	1,590	-1.2%	6%	27,360	9	117,500	1,069	(521)	KIS	VIC	106,868	10.0	11/06/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVIC2101	1,000	2,900	-11.9%	190%	21,360	112	117,500	77	(2,823)	KIS	VIC	126,888	20.0	22/09/2021
CVIC2102	1,800	1,750	-7.9%	-3%	7,920	2	117,500	1,751	1	MBS	VIC	100,000	10.0	04/06/2021
CVIC2103	1,100	2,250	0.0%	105%	5,510	117	117,500	0	(2,250)	KIS	VIC	165,899	20.0	27/09/2021
CVJC2006	1,000	120	0.0%	-88%	40,440	9	106,600	0	(120)	KIS	VJC	111,111	20.0	11/06/2021
CVNM2011	1,100	80	-27.3%	-93%	79,850	9	89,400	0	(80)	KIS	VNM	133,333	16.3	11/06/2021
CVNM2101	1,100	2,190	0.0%	99%	400	112	89,400	0	(2,190)	KIS	VNM	126,888	19.8	22/09/2021
CVNM2102	1,700	700	-16.7%	-59%	17,590	34	89,400	0	(700)	VND	VNM	108,994	9.9	06/07/2021
CVNM2103	1,700	170	-34.6%	-90%	13,410	16	89,400	(0)	(170)	MBS	VNM	104,000	10.0	18/06/2021
CVNM2104	1,480	2,460	-3.9%	66%	3,300	103	89,400	11	(2,449)	MBS	VNM	103,000	10.0	13/09/2021
CVNM2105	1,100	1,740	-6.0%	58%	38,110	117	89,400	0	(1,740)	KIS	VNM	119,399	20.0	27/09/2021
CVPB2015	5,600	42,800	-3.1%	664%	12,780	58	70,200	44,289	1,489	SSI	VPB	26,000	1.0	30/07/2021
CVPB2101	2,900	16,200	1.3%	459%	4,200	34	70,200	16,637	437	VND	VPB	37,000	2.0	06/07/2021
CVPB2102	2,800	16,600	2.5%	493%	2,650	2	70,200	17,352	752	MBS	VPB	35,500	2.0	04/06/2021
CVPB2103	2,700	16,800	0.0%	522%	25,940	68	70,200	16,923	123	HCM	VPB	36,500	2.0	09/08/2021
CVPB2104	2,500	8,910	-1.0%	256%	4,580	86	70,200	7,149	(1,761)	MBS	VPB	49,000	3.0	27/08/2021
CVRE2011	1,500	200	-20.0%	-87%	25,000	9	30,100	(0)	(200)	KIS	VRE	31,888	4.0	11/06/2021
CVRE2013	5,000	5,700	-4.5%	14%	16,720	58	30,100	2,727	(2,973)	SSI	VRE	27,500	1.0	30/07/2021
CVRE2101	1,200	2,360	-5.6%	97%	1,240	112	30,100	49	(2,311)	KIS	VRE	34,567	4.0	22/09/2021
CVRE2102	1,800	1,470	-4.6%	-18%	13,180	34	30,100	121	(1,349)	VND	VRE	30,000	4.0	06/07/2021
CVRE2103	1,300	2,340	-3.7%	80%	5,340	68	30,100	56	(2,284)	HCM	VRE	32,000	4.0	09/08/2021
CVRE2104	3,000	3,200	-3.0%	7%	3,860	72	30,100	16	(3,184)	MBS	VRE	34,300	2.0	13/08/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá hợp lý*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2021F (tỷ)	EPS 2021F	BV 2021F	ROE 2021F	ROA 2021F	PE 2021F	PB 2021F	Cổ tức dự kiến**
ANV (New)	HOSE	23,450	26,000	27/05/2021	281	2,202	18,506	12%	6%	11.8	1.4	-
VHC (New)	HOSE	38,950	48,900	27/05/2021	951	5,188	31,003	12%	17%	9.4	1.6	-
FMC (New)	HOSE	32,000	43,900	27/05/2021	236	4,014	21,355	17%	12%	10.0	1.9	-
MPC (New)	UPCOM	35,500	44,700	27/05/2021	762	3,811	27,801	14%	8%	11.7	1.6	-
IMP (New)	HOSE	73,300	63,700	27/05/2021	241	3,611	27,902	13%	11%	17.7	2.3	-
DHG (New)	HOSE	95,000	100,400	27/05/2021	742	5,676	28,774	20%	16%	18.1	3.6	30%
FRT	HOSE	25,050	37,700	26/05/2021	113	1,426	15,852	5%	1%	26.5	2.4	10%
DGW	HOSE	123,500	155,000	26/05/2021	448	10,410	36,323	29%	12%	14.9	4.3	20%
PNJ	HOSE	100,500	116,000	26/05/2021	1,538	6,762	27,589	25%	16%	17.2	4.2	20%
MWG	HOSE	138,800	168,000	26/05/2021	6,019	12,654	43,999	29%	11%	13.4	3.8	15%
SAB	HOSE	152,000	182,900	26/05/2021	4,985	7,369	36,116	21%	17%	26.6	5.1	35%
MSN	HOSE	105,700	104,500	26/05/2021	2,784	2,382	16,687	16%	3%	43.9	6.3	-
VNM	HOSE	89,400	128,000	26/05/2021	10,488	4,972	16,501	30%	20%	25.8	7.8	45%
TCM	HOSE	85,900	82,800	17/05/2021	287	4,630	28,532	16%	9%	17.9	2.9	-
STK	HOSE	33,300	41,000	17/05/2021	187	2,211	14,974	15%	10%	18.6	2.7	-
NVL	HOSE	139,400	104,600	13/05/2021	4,369	4,389	29,673	13%	3%	23.8	3.5	-
VGG	UPCOM	41,700	55,500	13/05/2021	187	4,249	41,384	10%	4%	13.1	1.3	20%
NLG	HOSE	41,000	39,000	12/05/2021	1,120	4,276	26,800	16%	8%	9.1	1.5	5%
KDH	HOSE	39,500	39,000	12/05/2021	1,174	2,157	17,973	14%	8%	18.6	2.2	0%
VCB	HOSE	106,000	118,300	10/05/2021	22,986	6,198	32,887	21%	2%	19.1	3.6	-
ACB	HOSE	44,600	39,800	10/05/2021	9,253	4,281	21,066	24%	2%	7.6	1.4	-
TCB	HOSE	52,800	51,300	10/05/2021	15,741	4,497	25,278	19%	3%	11.4	2.0	-
GEG	HOSE	16,450	21,200	07/05/2021	388	1,273	12,788	10%	4%	16.8	1.7	4%
BMP	HOSE	58,300	66,900	06/05/2021	551	6,735	32,184	21%	17%	9.9	2.1	43%
CTD	HOSE	61,700	69,200	29/04/2021	593	7,960	112,448	7%	4%	8.7	0.7	10%
HPG	HOSE	54,000	52,900	27/04/2021	16,753	5,038	22,193	23%	12%	10.5	2.4	5%
FPT	HOSE	85,500	91,800	14/04/2021	5,036	4,730	26,109	25%	11%	19.4	3.5	20%

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

VGS		HNX	20,100	24,600	13/04/2021	171	3,623	25,974	20%	5%	7.5	1.4	10%
SMC		HOSE	38,300	37,200	13/04/2021	313	4,961	17,978	20%	8%	6.8	1.4	10%
ACV		UPCOM	67,400	85,600	09/04/2021	3,027	1,390	17,759	8%	5%	60.6	4.7	6%
REE		HOSE	56,000	62,100	02/04/2021	1,937	5,984	45,456	14%	9%	10.4	1.4	0%
PLX		HOSE	55,200	64,800	31/03/2021	4,563	3,668	17,545	18%	7%	17.7	3.7	30%
SBT		HOSE	19,900	30,000	25/03/2021	744	1,165	13,578	9%	4%	25.8	2.2	5%
GVR		HOSE	27,850	40,200	17/03/2021	4,906	1,042	13,121	9%	6%	38.6	3.1	3%
QNS		UPCOM	39,400	48,000	16/03/2021	1,043	1,491	20,653	14%	8%	32.2	2.3	-
VRE		HOSE	30,100	43,400	12/03/2021	3,135	1,423	12,382	10%	7%	29.2	3.3	-
GAS		HOSE	87,400	102,000	05/03/2021	10,892	5,691	27,913	20%	15%	18.0	3.7	35%
MSH		HOSE	54,100	56,300	03/03/2021	336	6,721	30,835	22%	12%	8.4	1.8	-
GMD		HOSE	38,950	54,800	24/02/2021	541	1,794	22,180	8%	5%	12.8	1.0	10%
TNG		HOSE	22,700	23,800	19/02/2021	198	2,671	16,167	17%	5%	8.9	1.5	-
GIL		HOSE	56,700	54,800	05/02/2021	317	8,813	43,186	20%	10%	6.2	1.3	-
BSR		UPCOM	18,300	12,900	05/02/2021	1,337	431	10,444	4%	2%	29.9	1.2	0%
GTN		HOSE	17,800	36,290	29/01/2021	303	621	16,074	7%	8%	58.4	2.3	0%
VHM		HOSE	104,400	102,000	19/01/2021	35,222	10,530	42,470	37%	12%	9.8	2.4	-
LHG		HOSE	41,050	30,400	19/01/2021	180	3,601	26,394	11%	6%	8.1	1.0	-
PHR		HOSE	52,800	67,650	19/01/2021	1,105	8,158	20,173	32%	16%	6.6	2.1	30%
CTR		UPCOM	87,700	78,800	19/01/2021	223	3,172	14,460	23%	6%	21.1	4.6	10%
POW		HOSE	11,900	14,700	19/01/2021	2,837	1,055	14,071	9%	5%	13.9	1.0	3%

* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2021 trên mệnh giá.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855

Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.